

Số: 64/2023/QĐST-DS

Mỏ Cày Bắc, ngày 06 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Thu H** - Sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Khu phố E, thị trấn G, huyện H, tỉnh Bến Tre.

1.2) Bị đơn:

1.2.1. Bà **Lê Thị H** - Sinh năm: 1959, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2.2. Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Văn T1** - Sinh năm: 1985, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số K, Ấp L, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Dương Thị Thu H số tiền là 475.000.000VNĐ (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2.2) Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về chi phí cho việc giám định:

Bà Dương Thị Thu H nhận chịu 4.637.000VNĐ (bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền chi phí cho việc giám định, thu thập chứng cứ, số tiền này bà H đã nộp đủ.

Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 nhận chịu 4.637.000VNĐ (bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền chi phí cho việc giám định, thu thập chứng cứ, số tiền này bà Lê Thị H đã nộp đủ.

2.4) Về án phí:

2.4.1. Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện liên đới chịu 11.500.000VNĐ (mười một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà H, ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H, ông T được miễn nộp 7.666.000VNĐ (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 còn phải liên đới nộp 3.834.000VNĐ (ba triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.000.000VNĐ (mười sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000662 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên